TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hanh Phúc**

Số: 20/2025/HNGĐ
Ngày 23/9/2025
V/v: Yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – PHÚ THỌ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Mai Thị Thanh Nga

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Trung Tính – Ông Quách Đình Hạnh

Thư ký toà án ghi biên bản: Bà Bùi Thị Nhi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 23/9/2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 13 – Phú Thọ mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 96/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc: Yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị N, sinh năm 1983 (có mặt).

Nơi đăng ký thường trú: Đội 9, thôn K, xã M, tỉnh Ph (cũ là đội 9, thôn Kim Đ, xã V, huyện K, tỉnh H).

Nơi ở hiện nay: Xóm K, xã N, tỉnh P (cũ là xóm K, xã B, huyện K, tỉnh H).

Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1981 (có mặt).

Nơi đăng ký thường trú: Xóm 11, thôn Đ, xã P, TP H (cũ là xóm 11, thôn Đ, xã Đ, huyện M, TP H).

Nơi ở hiện nay: Tổ 04, Q, phường H, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Đoàn Thị N trình bày:

Chị Đoàn Thị N và anh Trần Văn H kết hôn với nhau 2002 và có 02 con chung là cháu Trần Quang V, cháu Trần Thị Linh N. Trong quá trình chung sống không hạnh phúc nên chị N và anh H đã ly hôn vào năm 2014. Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 65/2014/QĐST-HNGĐ, ngày 03/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình, trong đó nội dung về phần con chung quyết định ghi: Chị N trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần Quang V, sinh ngày 11/12/2002, anh H trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Linh N, sinh ngày 08/10/2009. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N và anh H được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực anh H không đón cháu N về nhà nuôi dưỡng theo quyết định của Tòa án, mà anh H vẫn để cháu N cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Thị Linh N từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực là ngày 03/9/2014 đến nay, anh H thỉnh thoảng có đến thăm cháu N, có lần thì mua một vỉ sữa, hai cái áo, một đôi giày, tết năm 2015 anh H có đón cháu N về quê anh H ở Mỹ Đức, Hà Nội chơi. Anh H không có trách nhiệm đóng góp nuôi cháu N cùng chị N, cũng như không đón cháu N về nhà anh H nuôi dưỡng theo quyết định của tòa án. Vì vậy chị N yêu cầu Tòa án giải quyết:

1, Thay đổi quyền nuôi con chung cháu Trần Thị Linh N, sinh ngày 08/10/2009 từ anh Trần Văn H sang cho chị Đoàn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Thị Linh N và yêu cầu anh Trần Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung Trần Thị Linh N cùng chị Đoàn Thị N đến khi cháu Trần Thị Linh N trưởng thành đủ 18 tuổi, mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

2, Yêu cầu anh Trần Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung Trần Thị Linh N, sinh ngày 08/10/2009 cho chị Đoàn Thị N từ tháng 9/2014 đến nay, mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Bị đơn anh Trần Văn H trình bày: Anh H đồng ý với phần trình bày của chị N về phần ly hôn và phần quyết định nuôi con chung của Tòa án theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 65/2014/QĐST-HNGĐ, ngày 03/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực anh H đến nhà chị N muốn đón cháu N về nuôi dưỡng nhưng chị N nói với anh H là không muốn anh em xa nhau nên cứ để cháu N ở với chị N và cháu V cho có anh có em gần nhau, vì lúc này cháu N còn nhỏ, cháu mới có 5 tuổi lại là con gái nên anh H cũng đồng ý để cháu N ở cùng chị N. Anh H đi làm xa thỉnh thoảng anh H có về thăm cháu V và cháu N, có khi đến thăm anh H cũng mua quần áo, đồ ăn, giày dép cho cháu N nhưng mỗi lần đến

thăm con chị N lại gây sự cãi nhau với anh H. Để tránh gặp chị N sảy ra cãi nhau, anh H có lên trường nơi cháu N học để thăm gặp. Từ tháng 12/2021 giữa chị N và gia đình anh H sảy ra tranh chấp đất đai, em gái anh H bị phía bên nhà chị N đánh, chị N đang khởi kiện bố đẻ anh H là ông Trần Văn Hương về việc tranh chấp đất đai. Mặt khác trong quá trình chung sống vợ chồng có sảy ra mẫu thuẫn đánh nhau lúc đó có cả bố mẹ chị N ở đó nên anh H đã bị Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình xét xử về tội " cố ý gây thương tích" bị xử 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 60 tháng. Từ những mâu thuẫn trên nên anh H không đi lại thăm gặp cháu N được nữa. anh H có mua điện thoại cho cháu N dùng để liên lạc, nhưng cháu N không gọi cho anh H cũng như không nghe điện thoại của anh H. Từ tháng 10/2024 cháu N học ở trường trung cấp Y tế Hòa Bình thì anh H có đến gặp cháu N, mua đồ ăn cho cháu N thì cháu N tránh mặt không gặp anh H nữa.

Trong thời gian cháu N sống cùng với chị N thì anh H cũng không đóng góp tiền nuôi cháu N vì Tòa án đã giải quyết anh H được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N nhưng chị N nói cứ để cháu N ở cùng với chị N và cháu V, khi anh H muốn thăm con thì hai bên lại cãi nhau.

Nay chị N nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con là cháu Trần Thị Linh N, sinh ngày 08/10/2009 đến khi cháu Trần Thị Linh N trưởng thành đủ 18 tuổi, mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng). Chị N yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cháu Trần Thị Linh N cho chị Đoàn Thị N từ tháng 09/2024 đến nay, mỗi tháng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Các yêu cầu trên của chị N, anh H không đồng ý vì quyết định ly hôn Tòa án đã giao cho anh H được nuôi cháu N, do lúc đó cháu N còn nhỏ mới có 5 tuổi lại là con gái nên chị N nói với anh H là không muốn anh em xa nhau nên cứ để cháu N ở với chị N cho có anh có em gần nhau nên anh H mới đồng ý. Nếu chị N không đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu N thì chị N giao lại cháu N cho anh H để anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc theo quyết định của tòa án.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại trưởng xóm, chính quyền địa phương nơi chị N và cháu Trần Thị Linh N đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú thì kết quả xác minh: Anh Trần Văn H và chị Đoàn Thị N ly hôn năm 2014 sau khi ly hôn chị Đoàn Thị N vẫn trực tiếp nuôi dưỡng hai con là cháu Trần Quang V và cháu Trần Thị Linh N từ năm 2014 đến nay. Việc thăm nom và cấp dưỡng nuôi con chung thì trưởng xóm và chính quyền địa phương không biết được. Qua tra cứu sổ sách dữ

liệu thì trưởng xóm, chính quyền địa phương không tiếp nhận tin trình báo hay đơn yêu cầu nào của anh Trần Văn H và chị Đoàn Thị N về việc cho thăm non hay được quyền đón cháu Trần Thị Linh N về cho anh Trần Văn H được nuôi dưỡng, chăm sóc.

Tại biên bản xác minh Công an xã Đồng Tâm, Mỹ Đức, TP Hà Nội cho biết: Qua kiểm tra thực tế cho thấy anh Trần Văn H tuy có hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng thực tế không sinh sống và làm việc tại địa phương từ nhiều năm nay, trước đây anh Trần Văn H làm căn cước công dân khai báo đăng ký thường trú ở Đồng Mít, Đồng Tâm, Mỹ Đức, TP Hà Nội chỉ để làm thủ tục nhận cho tặng đấtcủa ông nội tặng cho anh H.

Tại Công văn số 12/CV-CAX, ngày 31/03/2025 của Công an xã Vĩnh Tiến, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình gửi Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình có nội dung: Từ năm 2014 Công an xã Vĩnh Tiến chưa tiếp nhận đơn đề nghị nào của chị Đoàn Thị N và anh Trần Văn H về việc anh Trần Văn H đón cháu Trần Thị Linh N về nhà nuôi dưỡng, chăm sóc.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình: Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Kim Bôi không nhận được đơn yêu cầu thi hành án nào của anh Trần Văn H và chị Đoàn Thị N gửi yêu cầu thi hành quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 65/2014/QĐST-HNGĐ, ngày 03/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình để giao cháu Trần Thị Linh N về nhà anh Trần Văn H được nuôi dưỡng.

Tòa án tiến hành xác minh ông Trần Văn Hương bố đẻ anh H thì ông Hương cho biết anh H ở sinh sống ở thành phố Hòa Bình từ năm 2019 đến nay, nhưng không đăng ký tạm vắng, tạm trú mà chỉ thuê nhà trọ để đi bán cà phê, trà đá dạo. Anh H có đăng ký hộ khẩu thường trú ở xóm 11, thôn Đồng Mít, xã Đồng Tâm, huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội nhưng chỉ ngày lễ, tết anh H về quê sau đó lại đi luôn. Anh H không đăng ký tạm vắng, tạm trú ở Vĩnh Tiến nơi ông Hương sinh sống. Hiện nay cháu Trần Ánh Dương, sinh năm 2016 là con gái với vợ thứ hai của anh H đang ở cùng với ông bà, hàng tháng anh H có gửi tiền về nuôi cháu Dương cùng ông bà.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại Trường Trung cấp Y tế Hòa Bình nơi cháu Trần Thị Linh N đang theo học thì kết quả cháu Trần Thị Linh N đang học tại trường trung cấp Y tế Hòa Bình, cháu N vừa học nghề, vừa học văn hóa. Học nghề thì cháu N được miễn học phí từ khi vào học tại trường, còn học văn hóa thì năm học 2025 – 2026 này cháu N cũng được miễn học phí, cháu N chỉ học theo chương

trình của nhà trường, hiện tại cháu N ở ký túc xá của nhà trường không phải trả tiền phòng ở, chỉ phải trả tiền điện dùng hàng tháng, còn tiền ăn uống chi phí sinh hoạt cháu N tự túc. Quá trình học tại trường năm học 2024 – 2025 cháu N học lực khá, hạnh kiểm khá.

Xác minh tại công an phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ, thì được biết anh Trần Văn H hiện đang sinh sống ở tại 04, Quỳnh Lâm, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ nhưng không đăng ký tạm vắng, tạm trú.

Tại biên bản ghi ý kiến nguyện vọng của cháu Trần Thị Linh N thì cháu Trần Thị Linh N có nguyện vọng được sống cùng mẹ là chị Đoàn Thị N, vì từ năm 2014 đến nay cháu Trần Thị Linh N luôn sống cùng chị N.

Đại diện Viện Kiểm Sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, thẩm phán thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3, khoản 5 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự ngày 25/6/2025; Điều 58; Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117; Điều 118; Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình ; Điều 6; Điều 7 Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao; Nghị định số 74/2024/NĐ - CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ và phuc lục kèm theo; Nghị định 128/2025/NĐ-CP, ngày 11/6/2025 của Chính phủ và phụ lục kèm theo.

Điểm b Điều 12; Điều 26; điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị N:

Giao cháu Trần Thị Linh N, sinh ngày 08/10/2009 cho chị Đoàn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con chung Trần Thị Linh N cùng chị Đoàn Thị N đến khi cháu Trần Thị Linh N trưởng thành đủ 18 tuổi, mỗi tháng là 2.205.000 đồng (hai triệu không trăm linh năm nghìn đồng), thời hạn cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Thị Linh N trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị N về việc yêu cầu anh Trần Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung Trần Thị Linh N, sinh ngày 08/10/2009 cho chị Đoàn Thị N từ tháng 9/2014 đến nay, mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Về án phí: Chị Đoàn Thị N được miễn án phí yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh Trần Văn H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung, do bị đơn anh Trần Văn H có hộ khẩu thường trú tại xóm 11, thôn Đồng Mít, xã Phúc Sơn, thành phố Hà Nội và nơi ở hiện nay tại tổ 04, Quỳnh Lâm, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ. Nguyên đơn chị Đoàn Thị N có hộ khẩu thường trú tại đội 9, thôn Kim Đức, xã Mường Động, tỉnh Phú Thọ và nơi ở hiện nay là xóm Khăm, xã Nật Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Chị Đoàn Thị N và anh Trần Văn H có đơn xin lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13 – Phú Thọ) là nơi giải quyết vụ án. Căn cứ vào các khoản 3, khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự ngày 25/6/2025. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Phú Thọ.

[2]. Về nội dung vụ án: Chị Đoàn Thị N và anh Trần Văn H ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 65/2014/QĐST-HNGĐ, ngày 03/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình trong đó nội dung về phần con chung quyết định: Chị N trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần Quang V, sinh ngày 11/12/2002, anh H trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Linh N, sinh ngày 08/10/2009. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N và anh H được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Chị N trình bày sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực ngày 03/9/2014 anh H không đón cháu N về nhà nuôi dưỡng theo quyết định của Tòa án, mà vẫn để cháu N cho chị N nuôi dưỡng cháu N từ năm 2014 đến nay, anh H thỉnh thoảng có đến thăm cháu N, nhưng anh H không đưa tiền cho chị N nuôi dưỡng cháu N.

Về phía anh H trình bày do chị N nói với anh H là không muốn các con xa nhau nên cứ để cháu N ở với chị N cho có anh có em, mặt khác lúc này cháu N còn nhỏ lúc đó cháu mới có 5 tuổi lại là con gái nên anh H cũng đồng ý để cháu N ở cùng chị N, thỉnh thoảng anh H có về thăm cháu N mua quà cho cháu N. Tuy nhiên do mỗi lần gặp nhau giữa anh H và chị N luôn xảy ra cãi nhau nên anh H có lên trường nơi cháu N học để thăm gặp. Mặt khác do có nhiều mâu thuẫn về việc tranh chấp đất đai giữa chị N và ông Hương là bố đẻ anh H, mâu thuẫn về việc đánh nhau giữa anh H và gia đình chị N nên anh H bị Tòa án huyện Kim Bôi xét xử về tội " cố ý gây thương tích" bị xử 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 60 tháng. Từ những mâu thuẫn trên nên anh H không đi lại thăm gặp cháu N được nữa. Anh H có đến gặp cháu N ở trường trung cấp Y tế Hòa Bình nhưng cháu N không gặp.

Tại phiên Tòa chị N vẫn giữ quan điểm xin thay đổi quyền nuôi con chung cháu Trần Thị Linh N, sinh ngày 08/10/2009 từ anh H sang cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Thị Linh N và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung Trần Thị Linh N cùng chị N đến khi cháu Trần Thị Linh N trưởng thành đủ 18 tuổi, mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung Trần Thị Linh N, sinh ngày 08/10/2009 cho chị N từ tháng 9/2014 đến nay, mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Tại phiên tòa anh Trần Văn H không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị N vì quyết định ly hôn Tòa án đã giao cho anh H được nuôi cháu N, nếu chị N không đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu N thì chị N giao lại cháu N cho anh H để anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc theo quyết định của Tòa án.

Xét thấy từ khi có quyết định ly hôn giao cho anh H nuôi cháu N, nhưng thực tế cháu N vẫn sống cùng chị N. Nay cả chị N và anh H đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nhi. Tuy nhiên Hội đồng xét xử nhận thấy cháu N sinh sống cùng mẹ là chị N từ khi mới 5 tuổi đến thời điểm hiện tại, tất cả mọi sinh hoạt, môi trường sống xung quanh của cháu N đã quen ở cùng với chị N. Mặt khác tại biên bản ghi ý kiến của cháu N thì cháu N có nguyện vọng được sống cùng chị N. Hơn nữa cháu N là con gái đang tuổi mới lớn rất cần sự quan tâm, chia sẻ và động viên của người mẹ. Theo như anh H trình bày thì có lần anh H hẹn cháu N ra cổng trường học để gặp nhưng cháu Nhi không muốn gặp, mặt khác anh H đang có sự nghi ngờ cháu N không phải là con ruột của anh H. Vì vậy để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về mọi mặt, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của cháu

N và phù hợp với nguyện vọng của cháu N. Do vậy cần giao cháu N cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp, có căn cứ.

Đối với yêu cầu của chị N đề nghị Tòa án buộc anh H cấp dưỡng nuôi con chung là cháu N cùng chị N mỗi tháng là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi. Căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: " Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con".

Xét thấy anh H có đăng ký thường trú tại xóm 11, thôn Đồng Mít, xã Phúc Sơn, thành phố Hà Nội nhưng anh H không sinh sống ở đó, chỉ ngày lễ, tết anh H về quê sau đó lại đi luôn. Anh H sinh sống ở thành phố Hòa Bình từ năm 2021 đến nay, hiện nay đang sinh sống ở tổ 04, Quỳnh Lâm, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ nhưng không đăng ký tạm vắng, tạm trú mà chỉ thuê nhà trọ sinh sống. Anh H làm lao động tự do với công việc bán trà đá, cà phê dạo tại cổng bệnh viện mỗi tháng thu nhập theo anh H trình bày được khoảng 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), mặt khác anh H còn phải chi trả tiền thuê nhà, tiền sinh hoạt hàng ngày và tiền nuôi con gái với vợ thứ hai đã ly hôn hiện đang ở cùng bố mẹ đẻ anh H.

Cháu Trần Thị Linh N hiện đang học tại trường trung cấp Y tế Hòa Bình, theo xác nhận của trường trung cấp Y tế Hòa Bình thì hiện tại cháu N đang theo học nghề và học văn hóa tại trường, nhưng cháu N không phải nộp học phí, học theo trường trình của nhà trường, ở ký túc xá của trường không phải nộp tiền, chỉ phải nộp tiền điện sinh hoạt hàng tháng.

Theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân gia đình căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Theo quy định mức lương tối thiểu vùng hiện nay theo Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ và được áp dụng từ ngày 01/7/2024; Phụ lục, danh mục địa bàn cấp xã áp dụng mức lương tối thiểu kèm theo Nghị định 128/2025/NĐ-CP, ngày 11/6/2025 của Chính. Do anh H hiện đang sinh sống ở tổ 04, Quỳnh Lâm, phường Hòa Bình, tỉnh phú Thọ nên áp dụng lương tối thiểu vùng nơi anh H sinh sống và làm việc thuộc vùng II là 4.410.000 đồng/tháng. Tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định: " Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối

với mỗi người con".

Như vậy Hội đồng căn cứ vào nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng và căn cứ mức lương tối thiểu vùng khu vực vùng II, Phú Thọ nơi anh H hiện đang sinh sống là: 4.410.000đ/tháng : 2 = 2.205.000đ/01/tháng. Buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cháu Trần Thị Linh N mỗi tháng là 2.205.000đ/01 tháng (hai triệu hai trăm linh năm nghìn đồng), kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ đúng pháp luật.

Đối với yêu cầu của chị N yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung Trần Thị Linh N cho chị N từ tháng 9/2014 đến nay, mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Xét thấy tại quyết định ly hôn số 65/2014/QĐST-HNGĐ, ngày 03/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình quyết định: " Chị N trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần Quang V, sinh ngày 11/12/2002, anh H trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Linh N, sinh ngày 08/10/2009. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N và anh H được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật".

Như vậy quyết định ly hôn số 65/2014/QĐST-HNGĐ, ngày 03/9/2014 không quyết định anh H phải cấp dưỡng nuôi con là cháu N, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa được xác định trong quyết định ly hôn nên không có căn cứ để chị N yêu cầu truy thu tiền cấp dưỡng nuôi cháu N từ tháng 09/2014 đến nay.

Trường hợp anh H không đón cháu N về để anh H nuôi dưỡng thì chị N có quyền nộp đơn yêu cầu Tòa án thay đổi quyền nuôi cháu N từ anh H sang cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi cháu N.

Theo quyết định ly hôn anh H nuôi cháu N nhưng khi chị N thấy anh H không đến đón cháu N về nuôi dưỡng, chăm sóc thì theo quyết định ly hôn thì chị N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án thi hành dân sự có thẩm quyền, hay chính quyền địa phương can thiệp, giải quyết theo quyết định ly hôn số 65/2014/QĐST-HNGĐ, ngày 03/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình nhưng chị N không làm đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình, tại Chính quyền địa phương đăng ký thường trú và nơi ở hiện tại của chị N thì kết quả là không nhận được đơn trình báo hay đề nghị của chị Đoàn Thị N về yêu giải quyết yêu cầu anh Trần Văn H đón cháu Trần Thị Linh N về nhà nuôi dưỡng, chăm sóc, hơn nữa chị N và anh H đều thừa nhận từ tháng 9/2014 đến nay không làm bất kỳ

đơn yêu cầu thi hành án, hay chính quyền địa phương nào giải quyết về vấn đề này.

Về thực tế tại thời điểm ly hôn tháng 9/2014 cháu Trần Thị Linh N còn nhỏ lúc bấy giờ mới 5 tuổi lại là con gái xét, cần sự chăm sóc kỹ càng của người mẹ. Mặt khác chị N hoàn toàn tự nguyện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Linh N để cho cháu N và cháu V được ở gần nhau không muốn tách rời hai anh em vì các con còn quá bé. Mặt khác năm 2014 khi chị N làm đơn xin ly hôn anh H thì tại đơn ly hôn và bản tự khai của chị N, biên bản hòa giải, chị N đều thể hiện xin được nuôi hai con là cháu V và cháu N, chị N không yêu cầu anh H đóng góp nuôi con chung đó là sự tự nguyện của chị N nuôi cháu N, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ.

Hơn nữa chị N, anh H, cháu N cũng đều thừa nhận sau khi ly hôn anh H có đến thăm cháu N mua quà cho cháu N, theo chị N trình bày tết năm 2015 anh H còn đưa cháu N đi chơi tết. Mặc dù anh H và chị N đã ly hôn nhưng sau khi ly hôn gia đình hai bên vẫn xảy ra tranh chấp đất đai rất căng thẳng đây là cũng trở ngại lớn cho việc thăm nom, chăm sóc và đón cháu Trần Thị Linh N về cho anh Trần Văn H nuôi dưỡng.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị N yêu cầu anh Trần Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung Trần Thị Linh N cho chị Đoàn Thị N từ tháng 9/2014 đến nay, mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

[3]. Về án phí: Anh Trần Văn H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Chị Đoàn Thị N được miễn áp phí yêu cầu cấp dưỡng nuôi con không được chấp nhận.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3, khoản 5 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự ; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự ngày 25/6/2025.

Điều 58; Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 và Điều 118; Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điều 6, Điều 7 Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội

đồng Thẩm phán TAND Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Nghị định số 74/2024/NĐ- CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu.

Nghị định 128/2025/NĐ-CP, ngày 11/6/2025 của Chính phủ và phụ lục kèm theo.

Điểm b Điều 12; Điều 26; điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị N:

1. Chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, giao cháu Trần Thị Linh N, sinh ngày 08/10/2009 cho chị Đoàn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác thay thế theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Trần Văn H phải đóng góp nuôi con chung cùng chị Đoàn Thị N một tháng là 2.205.000 đồng (hai triệu hai trăm linh năm nghìn đồng), thời hạn cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Thị Linh N trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Trần Văn H được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị N về việc yêu cầu anh Trần Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung Trần Thị Linh N, sinh ngày 08/10/2009 cho chị Đoàn Thị N từ tháng 9/2014 đến nay, mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí: Anh Trần Văn H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí

thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đoàn Thị N được miễn nộp tiền áp phí yêu cầu cấp dưỡng nuôi con từ 09/2024 đến nay, không được chấp nhận. Trả lại chị Đoàn Thị N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0007923 ngày 12/6/2024 của Chi Cục Thi Hành Án Dân Sự huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – Hà Nội).

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án có trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận
- TAND T. Phú Thọ - Cơ sở 03, phường Hòa Bình.
- VKSND khu vực 13-Phú Thọ.
- THADS tỉnh Phú Thọ.
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Thanh Nga